

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 7 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Vinh

Bà Vy Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoa, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam H - Xã V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phùng Thị D trình bày: Chị và anh Nông Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nhưng không tổ chức lễ cưới. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Nông Văn T nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, chị đã khuyên bảo anh Nông Văn T nhiều lần, nhưng anh không thay đổi, thậm chí anh Nông Văn T còn nhiều lần đánh chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2018 anh Nông Văn T bị Công an huyện Chi Lăng, tỉnh

Lạng Sơn bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau. Hiện anh Nông Văn T đang chấp hành án tại Trại giam H - Xã V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn T và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Bị đơn anh Nông Văn T trình bày: Anh và chị Phùng Thị D được tìm hiểu nhau hơn 01 năm, sau đó anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 11 tháng 4 năm 2018, nhưng không tổ chức lễ cưới. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn như chị Phùng Thị D trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng trong cuộc sống và bản thân anh nghiện ma túy từ đầu năm 2018, vì vậy anh đã vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị Phùng Thị D yêu cầu ly hôn anh không nhất trí, anh yêu cầu đoàn tụ vì anh muốn bù đắp tình cảm cho vợ con. Do hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam H - Xã V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, không thể tham gia phiên tòa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T có 01 con chung là cháu Nông Thị Kim N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2018.

Chị Phùng Thị D trình bày: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con Nông Thị Kim N đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nông Văn T không nhất trí yêu cầu được nuôi con của chị Phùng Thị D. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con Nông Thị Kim N đến khi trưởng thành và yêu cầu chị Phùng Thị D cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T không có tài sản chung, nợ chung, anh chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn: Ông Hoàng Văn C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B cho biết chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B năm 2018, anh chị có một con chung hiện chị Phùng Thị D đang nuôi con. Quá trình chung sống tại địa phương do anh Nông Văn T là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật, nhiều lần đánh bố mẹ, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh Nông Văn T sử dụng ma túy, vì vậy chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T không có hạnh phúc. Hiện anh Nông Văn T đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy. Chị Phùng Thị D yêu cầu ly hôn anh Nông Văn T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nay chị Phùng Thị D yêu cầu ly hôn anh Nông Văn T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Nông Văn T không có căn cứ đề nghị không chấp nhận; về con

chung do cháu Nông Thị Kim N chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao con cho chị Phùng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Phùng Thị D. Yêu cầu nuôi con của anh Nông Văn T là không phù hợp quy định pháp luật, đề nghị không chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phùng Thị D không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí chị Phùng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phùng Thị D, bị đơn anh Nông Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh chị đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phùng Thị D, anh Nông Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T là hợp pháp. Vì được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh Nông Văn T sử dụng ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật. Trong cuộc sống anh Nông Văn T không chăm lo cho gia đình, có hành vi đánh vợ, không làm tròn nghĩa vụ người chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không tìm cách khắc phục mà để mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Phùng Thị D xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Nông Văn T không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phùng Thị D và anh Nông Văn T có một con chung là Nông Thị Kim N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2018. Chị Phùng Thị D, anh Nông Văn T cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét điều kiện nuôi con thấy rằng anh Nông Văn T không đủ điều kiện nuôi con, vì anh hiện đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục được con nên yêu cầu nuôi con của anh Nông Văn T không được chấp nhận. Hơn nữa hiện nay cháu Nông Thị Kim N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị Phùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phùng Thị D không yêu cầu anh Nông Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị D được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Thị Kim N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2018 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Phùng Thị D đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000342 ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền

